

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LPH TRAVEL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LPH TRAVEL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LPH TRAVEL TRADING SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LPH TRAVEL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108603363

3. Ngày thành lập: 28/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 58 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978254592

Fax:

Email: info@lphtravel.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự mặt bằng xây dựng)	4312
2.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
5.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh. - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
6.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4511
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
14.	Đại lý du lịch	7911
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
16.	Điều hành tua du lịch	7912(Chính)
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
22.	Xây dựng công trình thủy	4291
23.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
24.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
25.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
26.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
27.	Quảng cáo	7310
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
29.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
30.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; tư vấn nông học; tư vấn về môi trường	7490
31.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4513

34.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
35.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Bán buôn thực phẩm	4632
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
40.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
41.	Phá dỡ	4311
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
43.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng; - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
49.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
50.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

51.	Xây dựng công trình điện	4221
52.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
53.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đầu.	4299
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
58.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
59.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4719
60.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

6. Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	06 Lam Sơn, Xã Yên Hưng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	25,000	036187003703	
			Tổng số	40.000	400.000.000	25,000		
2	LÊ THỊ DIỆU LINH	Số 110 Đặng Văn Ngữ, Tổ 15, Phường Cốc Lều, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	43,750	C1857735	
			Tổng số	70.000	700.000.000	43,750		

3	MAI LAN PHƯƠNG	Thôn Trầm Lộng, Xã Trầm Lộng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	25,000	017485118	
			Tổng số	40.000	400.000.000	25,000		
4	MÃ HỒNG LUYẾN	Xóm 2, Thạch Lãng, Xã Nga Thạch, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	6,250	174006596	
			Tổng số	10.000	100.000.000	6,250		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI LAN PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017485118

Ngày cấp: 29/06/2013

Nơi cấp: CA Thành Phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trầm Lộng, Xã Trầm Lộng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P905 tòa nhà Xuân Mai Riverside 150 Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội